

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH CNGTVT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

*(Kèm theo Nghị quyết số 140/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	3			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		3,80	4	80
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	3			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,92	46	92



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

(Kèm theo Nghị quyết số 140/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (KTCKĐL) của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển của Trường, đáp ứng Khung trình độ Quốc gia và mục tiêu của Luật Giáo dục Đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, có tính hiện đại, hội nhập và phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan được công bố công khai trên website và phổ biến rộng rãi qua nhiều hình thức.

2. Bản mô tả CTĐT năm 2025 có đầy đủ nội dung theo quy định được, cập nhật các học phần chuyên đề và nội dung mới. Đề cương học phần được trình bày rõ ràng, thống nhất, có ma trận liên hệ chi tiết với chuẩn đầu ra CTĐT và được rà soát, điều chỉnh định kỳ. Các thông tin CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai, đa dạng hóa hình thức phổ biến, tạo thuận lợi cho người học, giảng viên, cựu người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan trong việc tiếp cận, tham khảo và so sánh.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; phân bổ các khối kiến thức hợp lý, bảo đảm tính liên mạch, gắn lý thuyết với thực hành, nghiên cứu khoa học. Các đề cương học phần trình bày rõ ràng, có ma trận ánh xạ chuẩn đầu ra, lịch trình và phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và yêu cầu tự học, giúp giảng viên và người học phối hợp hiệu quả. CTĐT được rà soát, cập nhật định kỳ, có đối sánh với các CTĐT uy tín, đồng thời lấy ý kiến phản hồi từ người học và bên liên quan để hoàn thiện.

4. Triết lý giáo dục “Ứng dụng - Thực học - Thực nghiệp” được ban hành cùng Mục tiêu giáo dục, bảo đảm sự gắn kết với CTĐT và đề cương học phần. phương pháp dạy học được mô tả rõ, đa dạng và gắn với chuẩn đầu ra, kết hợp thuyết giảng, thảo luận, dự án, công nghệ thông tin và khuyến khích tự học, tự nghiên cứu. Các đề cương học phần yêu cầu bài tập nhóm, thảo luận, báo cáo, thuyết trình, góp phần rèn luyện kỹ năng mềm, năng lực thực tiễn và học tập suốt đời. Trường/Viện cũng thường xuyên tổ chức thực tập, hội thảo, hoạt động xã hội và hợp tác doanh nghiệp, giúp người học gắn kết kiến thức với thực tiễn.

5. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được quy định rõ ràng, phù hợp với CTĐT. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được quy định rõ ràng, được công bố công khai. Các kỳ thi tổ chức nghiêm túc, bảo mật, công bằng, phân loại được chất lượng người học. Quy định về thời gian công bố kết quả và phản hồi được phổ biến rộng rãi, hỗ trợ người học kịp thời cải thiện học tập; người học hài lòng. Quy chế giải quyết khiếu nại và chấm phúc khảo, dễ tiếp cận và thực hiện. Từ năm học 2020-2021 đến nay không phát sinh khiếu nại.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn được thực hiện đạt mức 1,8 lượt/năm. Loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và cấp Trường, có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch, phát triển có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng, được công bố công khai. Năng lực nhân viên được quy định rõ ràng và được đánh giá. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được khảo sát và xác định định kỳ làm cơ sở xây dựng và triển kế hoạch hằng năm. Nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn được tổ chức, với kinh phí đảm bảo, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ. Quản trị theo kết quả công việc được triển khai toàn diện; nhân viên có bản mô tả công việc, kế hoạch học kỳ, được giám sát thường xuyên. Quy định khen thưởng, công nhận được thực hiện khách quan; tỷ lệ hài lòng cao, không phát sinh khiếu nại trong chu kỳ đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đào tạo trình độ ThS được Nhà trường xác định rõ ràng và thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm. Trường phân công rõ trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học, tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm cho người học. Trường triển khai thực hiện được khá nhiều hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học được người học đào tạo trình độ ThS quan tâm. Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và thực hiện các biện pháp đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ và các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ không gian và trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu với diện tích xây dựng là 4.26 m²/người học. Thư viện đầy đủ phòng đọc và

các phòng chức năng, có đầy đủ học liệu và sử dụng phần mềm quản lý; Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống phòng thực hành phục vụ CTĐT có các phòng thực hành chung và chuyên ngành đặc thù. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm hỗ trợ công việc cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Một số quy định về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xây dựng và ban hành; phân công chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lý triển khai thực hiện.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra; giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Tỷ lệ người học thôi học thấp, thời gian tốt nghiệp trung bình của các người học đã tốt nghiệp có xu hướng giảm tới thời gian thiết kế; tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm có xu hướng tăng khá (từ 55,6 đến 90%); tỉ lệ có việc làm/số người học phản hồi khảo sát rất cao (100%). Nhà trường đã có kế hoạch và định hướng cho người học tham gia nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của ngành và với khả năng của người học; tỷ lệ người học tham gia nghiên cứu khoa học đạt 23%; người học có 4 công bố chung với giảng viên trên các ISSN/ISBN. Nhà trường đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ và tất cả các tiêu chí khảo sát đều rơi vào vùng hài lòng hoặc rất hài lòng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, hoàn thiện mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, đáp ứng xu thế phát triển của ngành; bổ sung năng lực số và chuyên gia công nghệ; nâng cao hiệu quả và mở rộng phạm vi khảo sát bên liên quan, sử dụng kết quả để điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra; đa dạng hóa hình thức công bố chuẩn đầu ra của CTĐT; định kỳ tập huấn giảng viên về xây dựng, phát triển CTĐT và chuẩn đầu ra, bảo đảm sự nhất quán, hiện đại và phù hợp thực tiễn.

2. Rà soát Bản mô tả CTĐT, bổ sung thông tin về nguồn lực, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá; thường xuyên cập nhật kỹ năng, kiến thức, tiêu chuẩn thực tế, bảo đảm chương trình theo kịp chuyển đổi số và công nghiệp 4.0. Rà soát đề cương học phần, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra nhất quán với chuẩn đầu ra của CTĐT; bổ sung, cập nhật thông tin còn thiếu; mở rộng thành phần khảo sát lấy ý kiến phản hồi bên liên quan; đa dạng hóa hình thức công bố CTĐT/đề cương học phần; bổ sung thông tin sổ tay học viên chi tiết (cả bản tiếng Anh).

3. Tăng cường hướng dẫn phương pháp tư duy, tự học và tự nghiên cứu trong từng học phần, đa dạng hóa phương pháp dạy học và bảo đảm kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; ban hành quy định chi tiết về khai thác công nghệ thông tin trong dạy và học; xác định rõ vai trò từng khối kiến thức và học phần trong ma trận chuẩn đầu ra, có hướng dẫn cụ thể về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (đặc biệt là đánh giá tự học, trọng số), định kỳ lấy ý kiến bên liên quan và chú trọng rèn luyện kỹ năng tiếng Anh cho người học; lập ma trận liên kết học phần, tham khảo sâu CTĐT các trường uy tín và lấy ý kiến chuyên gia, các bên liên quan để phát triển CTĐT hiện đại, hội nhập quốc tế.

4. Đa dạng hóa kênh truyền thông Triết lý giáo dục đến các bên liên quan ngoài Trường, nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, người học để chuyển hóa vào dạy học; đẩy mạnh áp dụng e-learning, blended learning với lộ trình và đầu tư hạ tầng rõ ràng; mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, mời chuyên gia tham gia đào tạo, tích hợp rèn luyện ngoại ngữ vào học phần chuyên ngành và tăng hoạt động học thuật bằng Tiếng Anh; thường xuyên đổi mới hoạt động dạy - học; hoàn thiện tiêu chí, hướng dẫn đánh giá giảng dạy và kết quả tự học của người học, khuyến khích khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng xu thế cách mạng công nghiệp và đặc thù của ngành.

5. Ban hành hướng dẫn chi tiết về thiết kế và tổ chức kiểm tra đánh giá phù hợp với trình độ đào tạo bậc ThS, quy định rõ hình thức thi, cách ra đề, tổ chức và chấm thi, đặc biệt với báo cáo tiểu luận; xây dựng một hệ thống thường xuyên cung cấp, tiếp nhận thông tin kiểm tra đánh giá để hỗ trợ đối sánh và cải thiện học tập; xây dựng rubrics cho từng học phần, đa dạng hóa hình thức và trọng số đánh giá, hoàn thiện ngân hàng câu hỏi, tăng cường thi vấn đáp và trắc nghiệm trên máy tính, định kỳ phân tích hiệu quả phương pháp kiểm tra đánh giá, chuẩn hóa công tác chấm thi và lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến; ban hành quy trình phúc khảo chi tiết, gắn với đặc thù bậc ThS, ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý khiếu nại nhanh chóng, đồng thời giám sát chặt chẽ, khảo sát mức độ hài lòng và tăng cường tư vấn, hỗ trợ người học.

6. Quy hoạch đội ngũ giảng viên theo ngành làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực; có lộ trình, kế hoạch thúc đẩy giảng viên đăng ký với Hội đồng chức danh Nhà nước đề nghị xét học hàm GS, PGS; bổ sung quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cho cụ thể hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ TS trở lên đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên; xây dựng kế hoạch

dài hạn, trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên; khảo sát đánh giá sau đào tạo của các khóa bồi dưỡng để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng; tăng cường việc đăng ký sở hữu trí tuệ, có hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; phát triển phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học tổng thể để thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá hàng năm của giảng viên.

7. Bổ sung nội dung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường; nâng cao chất lượng dự báo nhân lực, chú trọng cơ cấu và kỹ năng; có chính sách thu hút đội ngũ nhân viên, hoàn thiện chính sách đãi ngộ để thu hút nhân sự giỏi; thực hiện khảo sát người học, cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chuẩn hóa và lượng hóa rõ ràng hơn tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; hoàn thiện văn bản quy định về đánh giá, xếp hạng người lao động theo hướng tiếp cận năng lực; lượng hóa tiêu chí để có thể đo lường, tiến tới hoàn thiện và ban hành bộ chỉ số KPIs cho đội ngũ nhân viên; tăng cường đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm và chuyên môn đặc thù; triển khai đánh giá hiệu quả sau đào tạo bồi dưỡng; chuẩn hóa quy trình và biểu mẫu phân công, lập kế hoạch công việc cá nhân khỏi các phòng ban, phục vụ; xây dựng công cụ khoa học trong theo dõi, giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về quản trị kết quả công việc và cơ chế, kết quả khen thưởng, công nhận.

8. Tăng cường thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài Trường về chính sách và quy định tuyển sinh, về các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học đào tạo trình độ ThS để có đầy đủ thông tin nhằm điều chỉnh phù hợp hơn; tổ chức đánh giá, phân tích nguyên nhân tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu để có giải pháp khắc phục kịp thời; nghiên cứu, xây dựng quy định riêng cho người học đào tạo trình độ ThS được đầy đủ, phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo dành riêng cho đào tạo trình độ ThS; đổi mới các nội dung, hình thức tư vấn và hỗ trợ người học phù hợp hơn với người học đào tạo trình độ ThS, tạo điều kiện cho họ tham gia được thuận lợi; tổ chức Hội nghị/ Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học đào tạo trình độ ThS để có giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng; nghiên cứu, bố trí thêm không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học; nâng cấp dung lượng và bổ sung thêm các điểm phát Wifi giúp cho việc truy cập thông tin được thuận lợi hơn.

9. Có phương án xây dựng và hoàn thiện phần diện tích đất/tòa nhà mới hoặc kế hoạch đào tạo hàng năm phù hợp giữa các cơ sở của Trường để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên tại cơ sở Hà Nội theo quy định; đầu tư vật lực, nguồn lực và có chính sách thực tế hơn nữa giúp khai thác hiệu quả các giá trị trong tiềm năng của Trung tâm Công nghệ thông tin – Thư viện, hoàn thiện việc liên kết thư viện các cơ sở của Trường với nhau và tăng cường liên kết của thư viện các trường Đại học trong và ngoài nước rộng rãi hơn, hướng tới Thư viện đại học theo thông tư 14/2023/TT-BGDĐT; cần thường xuyên bổ sung, cập nhật một số máy tính có cấu hình cao và phần mềm/trang thiết bị chuyên sâu đặc thù cập nhật để đáp ứng tốt hơn cho học tập và nghiên cứu của

người học của ngành KTCKĐL; lập trình và khai thác hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động của Trường (đào tạo, nghiên cứu khoa học...) có tính hệ thống cao hơn, có lộ trình xúc tiến nhanh để án chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành Đại học số, đại học thông minh; cần thiết kế lối đi ở một số địa điểm giành cho người khuyết tật (nhà ăn, giảng đường, nhà vệ sinh); cần tổ chức định kỳ khám sức khỏe ít nhất 1 lần/ năm và triển khai thực hiện tư vấn tâm lý cho người học; khảo sát đa dạng các bên liên quan; một số tiêu chí thông tin nên cụ thể, chi tiết phù hợp với yêu cầu mức chuẩn.

10. Xây dựng, rà soát phát triển CTĐT nên tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành; sớm tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành 01 quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất. Khi dự giờ giảng, trong biên bản cần chỉ rõ các hạn chế của từng giảng viên với từng nội dung cụ thể để rút kinh nghiệm cho toàn thể các giảng viên trong bộ môn/khoa và Nhà trường (lưu ý phương pháp giảng dạy). Trong nghiên cứu khoa học cần lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT. Nên xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; có các giải pháp hiệu quả giảm tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn; kết nối với cựu người học và nhà sử dụng lao động nắm bắt tình trạng, vị trí việc làm và khả năng tự lập nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động; tiếp tục tăng tỷ lệ người học ngành KTCKĐL tham gia nghiên cứu khoa học tới mức trên 50%; mở rộng các loại hình hoạt động và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp của người học; nâng cấp Bộ Tiêu chí đánh giá năng lực người học tốt nghiệp sát hợp với chuẩn đầu ra CTĐT để có những đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng người học tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.